



**HỎI THI TRỰC TUYẾN “TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ
GIA ĐÌNH VÀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN” NĂM 2020**

*Ban hành kèm theo Thẻ lệ số 236 /TL-BTC ngày 26 /10/2020 của
Ban Tổ chức Cuộc thi)*

**I. LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH SỐ
02/2007/QH12 NGÀY 21/11/2007**

Câu 1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định những vấn đề gì?

a) Quy định về phòng ngừa bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; trách nhiệm của cá nhân, gia đình và cơ quan, tổ chức trong phòng chống bạo lực gia đình và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Cấm thành viên gia đình ra khỏi nhà, ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, bạn bè hoặc có các mối quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên đó.

c) Không cho thành viên gia đình tham gia các hoạt động xã hội hợp pháp, lành mạnh.

Câu 2. Hành vi nào bị nghiêm cấm quy định trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình?

a) Cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình; sử dụng truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động bạo lực gia đình.

b) Trả thù, đe dọa người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình; cản trở việc phát hiện, khai báo và xử lý hành vi bạo lực gia đình.

c) Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để trục lợi hoặc thực hiện hoạt động trái pháp luật; dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.

d) Tất cả các ý trên.

Câu 3. Nghĩa vụ của người có hành vi bạo lực gia đình quy định trong Luật Phòng, chống bạo lực là gì?

a) Các thành viên gia đình có quyền, nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng nhau.

b) Đóng góp công sức, tiền hoặc tài sản khác để duy trì đời sống chung của gia đình phù hợp với khả năng thực tế của mình.

c) Tôn trọng sự can thiệp hợp pháp của cộng đồng; chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình; chấp hành quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Câu 4. Quyền của nạn nhân bạo lực gia đình quy định trong Luật Phòng, chống bạo lực là gì?

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình.

b) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

c) Phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình.

Câu 5. Các hành vi bạo lực gia đình quy định trong Luật Phòng, chống bạo lực là gì?

a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng.

b) Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng.

c) Cường ép quan hệ tình dục; cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

d) Tất cả các ý trên.

II. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH SỐ 52/2014/QH13 NGÀY 19/06/2014

Câu 1. Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như thế nào?

a) Có quyền lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật định hoặc chế độ tài sản theo thỏa thuận.

b) Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

c) Bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung, không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập.

Câu 2. Theo Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm đối với việc bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình?

a) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ.

b) Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định được tôn trọng và pháp luật bảo vệ.

c) Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định.

Câu 3. Theo Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 nam, nữ kết hôn phải tuân theo các điều kiện nào sau đây?

a) Nghiêm cấm việc kết hôn giữa những người cùng giới tính.

b) Cho phép việc kết hôn giữa những người cùng giới tính.

c) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; không bị mất năng lực hành vi dân sự.

Câu 4. Nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình là gì?

a) Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập.

b) Vợ, chồng có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

c) Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng mà xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, chồng, gia đình và của người khác thì phải bồi thường.

d) Tất cả các ý trên.

Câu 5. Nghĩa vụ và quyền giáo dục con được quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình như thế nào?

a) Cha, mẹ phải chịu trách nhiệm liên đới về việc thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản của con được quy định.

b) Cha mẹ hướng dẫn con chọn nghề; tôn trọng quyền chọn nghề, quyền tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của con.

c) Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra theo quy định của Bộ Luật Dân sự.

III. LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI SỐ 73/2006/QH11 NGÀY 29/11/2006

Câu 1. Bình đẳng giới trong gia đình được quy định như thế nào trong Luật Bình đẳng giới?

a) Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.

b) Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình.

c) Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.

d) Tất cả các ý trên.

Câu 2. Theo Luật Bình đẳng giới nội dung về thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới được quy định như thế nào?

a) Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới được đưa vào chương trình giáo dục trong nhà trường, trong các hoạt động của cơ quan, tổ chức và cộng đồng.

b) Hỗ trợ để tạo điều kiện, cơ hội cho nữ hoặc nam; quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù cho nữ hoặc nam;

c) Quy định nữ được quyền lựa chọn trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam; quy định việc ưu tiên nữ trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam.

Câu 3. Trách nhiệm của gia đình được quy định trong Luật Bình đẳng giới là gì?

a) Bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.

b) Tạo điều kiện cho các thành viên trong gia đình nâng cao nhận thức, hiểu biết và tham gia các hoạt động về bình đẳng giới.

c) Hỗ trợ để tạo điều kiện, cơ hội cho nữ hoặc nam; quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù cho nữ hoặc nam.

Câu 4. Luật Bình đẳng giới nghiêm cấm các hành vi nào sau đây?

a) Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới; phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức.

b) Bạo lực trên cơ sở giới.

c) Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.

d) Tất cả các ý trên.

Câu 5. Định kiến giới quy định trong Luật Bình đẳng giới là gì?

a) Là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.

b) Là đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong các mối quan hệ xã hội.

c) Là hỗ trợ để tạo điều kiện, cơ hội cho nữ hoặc nam; quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù cho nữ hoặc nam;

IV. LUẬT TRẺ EM SỐ 102/2016/QH13 NGÀY 05/4/2016

Câu 1. Theo Luật Trẻ em tổ chức nào đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em?

a) Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

b) Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch

c) Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Câu 2. Luật Trẻ em quy định độ tuổi của trẻ em là bao nhiêu tuổi?

a) Trên 15 tuổi

b) Dưới 16 tuổi

c) Trên 16 tuổi

Câu 3. Các hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm quy định trong Luật Trẻ em?

- a) Tước đoạt quyền sống của trẻ em; bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.
- b) Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em; tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn.
- c) Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình.
- d) Tất cả các ý trên.

Câu 4. Quyền của trẻ em được quy định trong Luật Trẻ em như thế nào?

- a) Quyền sống; quyền được khai sinh và có quốc tịch; quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; quyền vui chơi, giải trí; quyền bí mật đời sống riêng tư.
- b) Phát hiện, thông tin, thông báo, tố giác hành vi vi phạm pháp luật.
- c) Tuân thủ và chấp hành pháp luật; đoàn kết, hợp tác, giao lưu với bạn bè, trẻ em quốc tế phù hợp với độ tuổi và từng giai đoạn phát triển của trẻ em.

Câu 5. Bổn phận của trẻ em với gia đình được quy định trong Luật Trẻ em là gì?

- a) Được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt.
 - b) Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình, phụ giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển của trẻ em.
 - c) Được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện.
-